**Tiết 61:**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

***(Thời gian thực hiện: 01 tiết)***

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

***\* Năng lực đặc thù:***

- Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp em tự đánh giá kết quả học tập cuối kì.

***\* Năng lực chung:***

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà;

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động hoàn thành các bài tập.

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức nghiêm túc ôn tập và làm bài kiểm tra cuối học kì.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu, KHBD, …

- Học liệu: ngữ liệu, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5p)**

***a) Mục tiêu:*** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

***b) Nội dung:*** GV đặt vấn đề, HS suy nghĩ trả lời.

***c) Sản phẩm:*** Chia sẻ của HS.

***d) Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS bằng cách đưa ra câu hỏi:

+ *Nhắc lại những kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 5?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**

- HS chia sẻ câu trả lời của mình.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV kết luận, chốt ý bằng sơ đồ tư duy.

**2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới (20p)**

***a) Mục tiêu:*** Các nội dung cơ bản đã học từ tuần 1 đến tuần 16 trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.

***b) Nội dung:***GV yêu cầu HS tìm hiểu kiến thức cũ/ Sgk

***c) Sản phẩm:***Câu trả lời của HS.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- HS xem lại hệ thống kiến thức từ bài 1 đến hết bài 2.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS suy nghĩ cá nhân trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:** * HS chia sẻ kết quả bài làm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):****a/ Tiểu thuyết và truyện ngắn:** **- Tiểu thuyết và truyện ngắn.**Tiểu thuyết là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn, có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp; phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ; thường miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng. **- Tính cách nhân vật, bối cảnh**+**Tính cách nhân vật trong truyện** (truyện ngắn và tiểu thuyết): thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác, ... **Ví dụ:** Nhân vật Võ Tòng trong văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích tiểu thuyết Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi) không chỉ được mô tả, thể hiện qua ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ của nhân vật này mà còn được hiện lên qua lời của người kể chuyện xưng “tôi” và lời của các nhân vật khác trong truyện.+**Bối cảnh trong truyện:** thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng); ... **Ví dụ**: Bối cảnh lịch sử của câu chuyện Buổi học cuối cùng là thời kì sau chiến tranh, hai vùng An-dát (Alsace) và Lo-ren (Lorraine) của Pháp bị nhập vào nước Phổ. Các trường học thuộc hai vùng này bị bắt bỏ tiếng Pháp, chuyển sang học tiếng Đức. Bối cảnh riêng của câu chuyện là quang cảnh và diễn biến của buổi học tiếng Pháp cuối cùng.**- Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể**Một câu chuyện có thể thay đổi ngôi kể để việc kể được linh hoạt hơn. **Ví dụ:** Phần mở đầu đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng được kể theo lời cậu bé An (ngôi thứ nhất, xưng “tôi”), kể lại những gì cậu bé đã chứng kiến khi gặp chú Võ Tòng ở căn lều giữa rừng U Minh. Nhưng khi muốn nói về cuộc đời trước đây của Võ Tòng thì tác giả không thể kể theo lời cậu bé An được nữa mà phải chuyển sang kể theo ngôi thứ ba, bắt đầu bằng câu: “Không ai biết tên thật của gã là gì ...”. Đến phần cuối đoạn trích, tác giả lại chuyển về kể theo ngôi thứ nhất: “Chú Võ Tòng vẫn ngồi đó, đối diện với tía nuôi tôi ...”. **b/ Thơ bốn chữ, năm chữ:**- Thơ bốn chữ: bài thơ có nhiều dòng, mỗi dòng có bốn chữ. Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3. Ví dụ nhịp 1/3:*Cau / ngày càng cao**Mẹ / ngày một thấp**Cau / gần với giời**Mẹ / thì gần đất*(Đỗ Trung Lai)- Thơ năm chữ: Bài thơ có nhiều dòng, mỗi dòng năm chữ. Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, thậm chí ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1. Ví dụ nhịp 2/3 và 3/2:*Mỗi năm / hoa đào nở**Lại thấy / ông đồ già**Bày mực tàu / giấy đỏ**Bên phố / đông người qua.*(Vũ Đình Liên)- Các dòng ở cùng một khổ trong bài thơ không nhất thiết phải ngắt nhịp giống nhau.- Bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có thể gieo vần chân (vần được gieo ở cuối dòng thơ), vần lưng (vần được gieo ở giữa dòng thơ), vần liên (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ), vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ) hay vần hỗn hợp (vần được gieo không trật tự nào). Bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có thể gieo nhiều vần… | **A. Đọc hiểu VB*** 1. **Văn bản:**

**a/ Tiểu thuyết và truyện ngắn:** Học sinh cần nắm được những kiến thức:*- Đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.**- Ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi ngôi kể và tác dụng.**- Tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian**- Chủ đề, thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc**- Bày tỏ thái độ bản thân trước những vấn đề đặt ra trong văn bản.***b/ Thơ bốn chữ, năm chữ:**Học sinh cần nắm được những kiến thức:*- Vần, nhịp, các biện pháp tu từ và tác dụng**- Bố cục, hình ảnh tiêu biểu, yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản**- Cảm xúc của nhân vật trữ tình**- Chủ đề, thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc.***c/ Truyện khoa học viễn tưởng:** Học sinh cần nắm được những kiến thức:*- Khái niệm truyện khoa học viễn tưởng**- Đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh**- Chủ đề, thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc**- Bày tỏ thái độ bản thân trước những vấn đề đặt ra trong văn bản.***d/ Nghị luận văn học:**Học sinh cần nắm được những kiến thức:*- Mục đích, nội dung của văn bản**- Giá trị nhận thức của văn bản***e/ Văn bản thông tin:***- Khái niệm văn bản thông tin;**- Cách sắp xếp thông tin trong văn bản.** 1. **Tiếng việt:**

**a/** **Ngôn ngữ các vùng miền:****- Xác định được từ ngữ địa phương trong văn bản cho sẵn và nêu tác dụng.****b/ Các biện pháp tu từ:****- Chỉ ra các biện pháp tu từ và nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm trong văn bản cho sẵn.****c/ Số từ và phó từ:*****- Khái niệm số từ, phó từ******- Phân loại số từ và phó từ*****d/ Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị:*****- Phân biệt hai cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị;*** ***- Đặt câu có mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị;*****e/ Mở rộng trạng ngữ:*****- Phân biệt hai cách mở rộng trạng ngữ trong câu;******- Đặt câu có trạng ngữ mở rộng.*** |
| **Hoạt động Viết:****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)*** **Lập dàn ý cho những đề sau:**
	+ *Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.*
	+ *Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận:** * Gv chiếu kết quả HS lên camera thông minh.

**Bước 4: Kết luận, nhận định(GV):*** 1. ***Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.(Sgk/76)***
1. *Mở bài:*
* Giới thiệu người hoặc sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ
* Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em người hoặc sự việc đó.
1. *Thân bài:*
* Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc
* Nêu ấn tượng về người hoặc sự việc đó
1. *Kết bài:*
* Khẳng định lại tình cảm của mình với người hoặc sự việc đó.
	1. ***Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật (Sgk/ 95)***
1. *Mở bài*
* Giới thiệu đôi nét về tác phẩm, nhân vật cần phân tích. Nêu ngắn gọn những đặc điểm nổi bật của nhân vật.
1. *Thân bài*

- Giới thiệu hoàn cảnh xuất thân của nhân vật (nếu có): Tên, tuổi, quê hương…- Phân tích những đặc điểm về ngoại hình và tính cách của nhân vật.+ Nêu lần lượt các đặc điểm thứ nhất, thứ hai… của nhân vật.+ Trích dẫn các chi tiết, câu văn trong bài liên quan đến đặc điểm đó của nhân vật; rồi dùng lí lẽ phân tích làm sáng tỏ.* Đánh giá về nhân vật:

+ Nhân vật đó đại diện cho tầng lớp xã hội nào?+ Qua nhân vật đó, tác giả muốn gửi gắm điều gì?+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật có gì đặc sắc?1. *Kết bài*
* Khẳng định lại những đặc điểm nổi bật của nhân vật. Đánh giá và suy nghĩ về nhân vật.
 | **B. Viết*** 1. *Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.*
	2. *Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật*
 |

**3. Hoạt động 3. Luyện tập + Vận dụng (10p)**

**a) Mục tiêu:** HS thực hành làm BT.

**b) Nội dung:** HS làm thử đề GV cho.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**I. (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau:

**THỜI GIAN LÀ VÀNG**

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

 (Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1:** Theo văn bản trên, thời gian có mấy giá trị?

- Thời gian có 5 giá trị,

**Câu 2:** Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai?

- Nếu biết tận dụng thời gian thì làm được nhiều điều cho bản thân và gia đình.

**Câu 3:** Trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được. ” thì câu nào là câu mang luận điểm?

- Câu mang luận điểm là câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.”

**Câu 4**: Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào?

- Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ so sánh.

**Câu 5:** Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

- Văn bản trên bàn về giá trị của sự sống.

**Câu 6:** Nêu tác dụng của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên?

- Tác dụng: Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.

**Câu 7**: Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

- Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm,thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

**Câu 8:** Theo em, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?

**Câu 9**: Bài học em rút ra được từ văn bản trên?

**Câu 10:** Phát biểu cảm nghĩ về người người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, . . . ).

**\*Hướng dẫn học bài về nhà và chuẩn bị bài sau: (5p)**

**- Bài cũ:**

+ Ôn tập theo hướng dẫn.

**- Bài mới:**

+ Soạn bài “***Thực hành tiếng Việt: Mở rộng trạng ngữ***” theo PHT đã gửi Zalo lớp.